

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu T, sinh năm 1994 (có mặt)

HKTT: Thôn L, xã M, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Xóm 11, thôn D, xã Đ, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Trịnh Quốc C, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: Thôn L, xã M, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở hiện nay: Thôn TĐ, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thu T trình bày:

Chị và anh Trịnh Quốc C kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 04/11/2013. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị thuê trọ và chung sống với nhau tại thôn TĐ, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C chơi bời, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái. Anh C còn có tính ghen tuông, đến nơi chị làm việc để xúc phạm chị và đe dọa các đồng nghiệp làm cùng chị. Chị T sợ bị chồng bạo hành, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Bình và sống ly thân với anh C từ tháng 7/2023 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017, hiện tại cả hai con đang ở cùng chị T. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị T làm spa phun xăm tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/ 1 tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở, đồng thời hỗ trợ chị T chăm sóc cho các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trịnh Quốc C trình bày:

Anh và chị Lê Thu T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 04/11/2013. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng anh chị chung sống tại thôn TĐ, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị T kinh doanh bất động sản cùng một số đồng nghiệp không tốt, về nhà tỏ thái độ khó chịu với chồng khiến vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay, mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Anh C xác định vợ chồng không còn khả năng quay về

đoàn tụ nhưng không ký ly hôn để cho các con có đầy đủ bố mẹ. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì làm thủ tục đơn phương, anh xin được vắng mặt không đến Tòa.

Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017. Anh C không tranh chấp về con, các con muốn ở với bố hay mẹ đều được, anh không có ý kiến gì về việc các con xin ở với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với anh C, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thu T và xử cho chị T được ly hôn với anh Trịnh Quốc C. Về con chung: Giao chị Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017; chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi T luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trịnh Quốc C vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu T và anh Trịnh Quốc C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện HH, tỉnh Thái Bình ngày 04/11/2013. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh và các đương sự thừa nhận vợ chồng chị T và anh C có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ khoảng tháng 7/2023, không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và không yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Bản thân anh C xác định vợ chồng không còn khả năng quay về đoàn tụ nhưng không đồng ý ly hôn mà để chị T ly hôn đơn phương. Xét thấy, hôn nhân của anh C và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh C không tranh chấp về con và để các con tự lựa chọn. Xét chị T có thu nhập và chỗ ở để nuôi con, mặt khác cả cháu Kiên và cháu Huyền đều có nguyện vọng được ở với mẹ và thực tế các cháu cũng đang sống cùng mẹ ở nhà ông bà ngoại, việc sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Vì vậy giao cả hai con chung là cháu Trịnh QK và Trịnh MH cho chị Lê Thu T trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp và đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các cháu. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thu T. Chị Lê Thu T được ly hôn anh Trịnh Quốc C.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Trịnh QK, sinh ngày 16/8/2014 và cháu Trịnh MH, sinh ngày 12/7/2017 đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đến khi có yêu cầu

hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016085 ngày 04/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện T;
- UBND xã Đ, huyện HH,
- tỉnh Thái Bình;
- Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Lan Hương